CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC NHẬN KẾT QUẢ ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT

1. Thửa đất số: 203 ; Tờ bản đồ số: 35 Diện tích: 7792.2 m²
Loại đất: HNK+LUK Hình thức sử dụng: Riêng
2. Địa chỉ thửa đất: ấp Xuân Hưng 3, xã Xuân Hòa, thành phố Đồng Nai
3. Tên người sử dụng đất, người quản lý đất: Nguyễn Thị Hiền
4. Địa chỉ người sử dụng đất, người quản lý đất: ấp Xuân Hưng 3, xã Xuân Hòa, thành phố Đồng Nai
5. Giấy chứng nhận hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (giấy tờ):
- Loại giấy tờ hiện có: GCN số DL136725 cấp ngày 10/08/2023
- Diện tích trên giấy tờ: 7792.2 m² ; loại đất trên giấy tờ: HNK+LUK
6. Tình hình thay đổi ranh giới thửa đất so với khi có giấy tờ:
- Diện tích thuộc ranh giới dự án Các hạng mục bổ sung dự án thành phần ĐTXD đoạn Phan Thiết - Dầu Giây là 775.7 m2. Trong đó:
+ Diện tích đất HNK trong ranh dự án là: (9.7+5.5+92+325.1+38.6+77.6) = 548.5 (có 107.2 m2 diện tích hành lang bảo vệ nguồn nước).
+ Diện tích đất LUK trong ranh dự án là: (129.7 + 0.4+97.1) = 227.2 m2.
- Diện tích nằm ngoài ranh giới là 7016.5 m2
- Bản vẽ này chỉ phục vụ công tác thu hồi đất ngoài ra không sử dụng vào mục đích khác
7. Đo đạc theo dự án (công trình): Các hạng mục bổ sung dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Phan Thiết - Dầu Giây thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.
8. Đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đo đạc Đại Thành
9. Sơ đồ thửa đất:

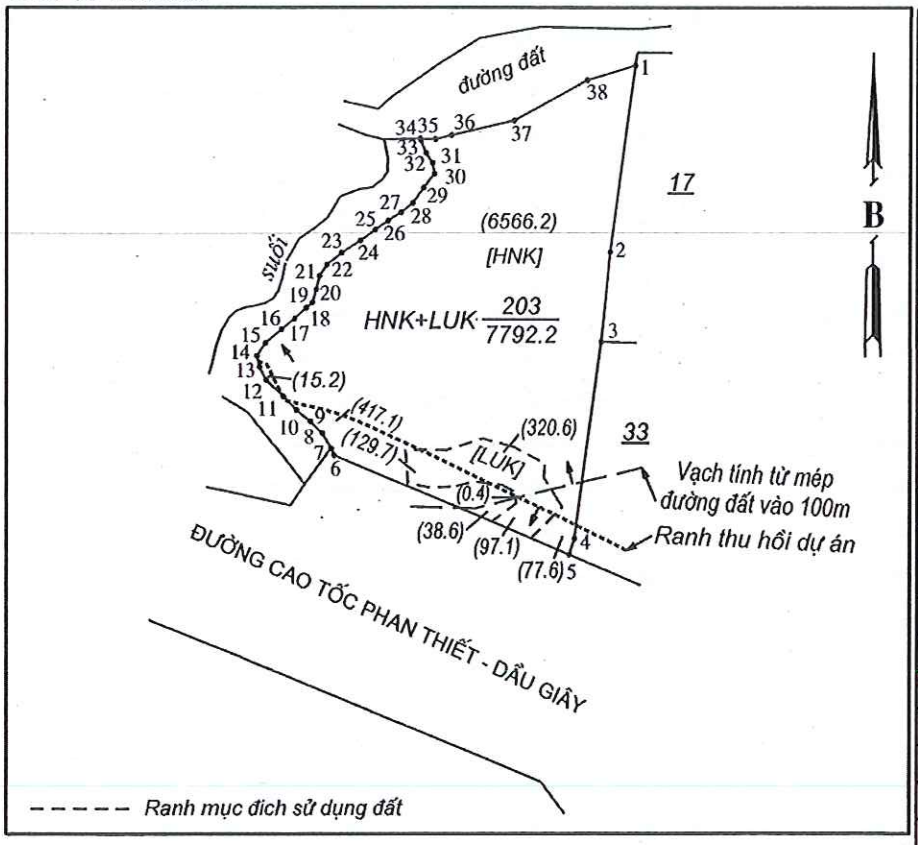

10. Tọa độ đỉnh thửa, kích thước cạnh:

Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước
Đỉnh	X (m)	Y (m)	Cạnh (m)
1	1203296.45	473361.04	50.99
2	1203245.95	473353.97	24.51
3	1203221.57	473351.46	54.10
4	1203167.96	473344.15	4.63
5	1203163.58	473342.67	70.07
6	1203190.65	473278.04	2.09
7	1203192.58	473277.21	4.70
8	1203196.65	473274.86	4.56
9	1203199.88	473271.64	4.95
10	1203202.95	473267.75	5.31
11	1203206.74	473264.03	6.28
12	1203211.13	473259.55	4.02
13	1203214.70	473257.70	3.07
14	1203217.69	473257.01	4.24
15	1203221.28	473259.27	5.75
16	1203225.05	473263.61	4.65
17	1203227.92	473267.28	4.38
18	1203230.84	473270.54	2.20
19	1203232.25	473272.23	3.80
20	1203235.89	473273.32	3.75
21	1203239.55	473274.16	3.63
22	1203242.57	473276.16	

Đồng Nai, ngày 16 tháng 05 năm 2026

Đơn vị đo đạc

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ ĐO ĐẠC ĐẠI THÀNH
M.S.D.N: 3603685983 - C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Hoàng Luật

8. Tọa độ đỉnh thửa. kích thước cạnh (tiếp theo)

Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước
Đỉnh	X (m)	Y (m)	Cạnh (m)
23	1203245.74	473280.10	5.05
24	1203249.10	473285.34	6.23
25	1203252.01	473289.47	5.05
26	1203254.47	473293.09	4.38
27	1203256.68	473296.50	4.06
28	1203259.24	473299.62	4.03
29	1203263.38	473302.49	5.04
30	1203267.16	473305.41	4.78
31	1203270.12	473304.92	2.99
32	1203272.76	473303.16	3.18
33	1203276.17	473301.72	3.70
34	1203276.61	473301.63	0.45
35	1203276.50	473305.70	4.07
36	1203277.61	473310.17	4.60
37	1203281.58	473327.32	17.61
38	1203292.53	473347.61	23.05
1	1203296.45	473361.04	13.99

Tọa độ đỉnh thửa			Kích thước
Đỉnh	X (m)	Y (m)	Cạnh (m)